

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-PT

Ngày 24 - 3 - 2026

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Sơn và ông Nguyễn Xuân Trọng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2026/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 40/2025/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn M, xã X, tỉnh Phú Thọ (có mặt);

2. Bị đơn: Anh Lê Quang H, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn G, xã S, tỉnh Phú Thọ (có mặt);

3. Người kháng cáo: Anh Lê Quang H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 10 năm 2025 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Huyền T bày: Chị kết hôn với anh Lê Quang H ngày 26/7/2024, trước khi kết hôn được tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã S, tỉnh Phú Thọ). Sau khi cưới vợ chồng chị thuê nhà ở riêng. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn đỉnh điểm từ tháng 7/2025, chị về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Lê Quang H. Nếu Tòa án không cho ly hôn thì chị cũng không về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Minh K, sinh ngày 04/01/2025, hiện nay đang ở cùng anh H. Ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Quang H trình bày: Anh thừa nhận về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn chị T vẫn ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ), sau đó anh thuê nhà ở V vợ chồng cùng nhau chung sống tại đó. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, về suy nghĩ, lối sống và cách nuôi con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tháng 3/2025 cháu K bị ốm phải đi điều trị tại bệnh viện Đ sau đó chuyển đến bệnh viện N, ngày 05/5/2025 cháu được ra viện, anh đưa con về quê ở xã Đ, huyện S ở cùng bố mẹ anh, chị T cũng không về cùng anh nuôi con, ngày 02/7/2025 anh đưa con xuống thuê nhà trọ và đi làm ở thành phố V, chị T đến ở cùng anh nhưng vợ chồng mâu thuẫn thì chị T lại về nhà mẹ đẻ nên ngày 09/7/2025 anh đưa con về quê ở cùng anh và ông bà nội, anh gọi chị T về thì chị T không về. Chị T và gia đình chị không ai đến thăm con lần nào. Do chị T không có sữa nên cháu K phải ăn sữa ngoài từ khi sinh ra cho đến nay. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Minh K, sinh ngày 04/01/2025 hiện nay đang ở cùng anh. Ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số 40/2025/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ án về hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Lê Quang H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Minh K, sinh ngày 04/01/2025 cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi lao động tự túc được (hiện nay cháu K đang ở cùng anh H). Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị T, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/11/2025 anh Lê Quang H có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần giao nuôi con chung, giao cháu Lê Minh K cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu Lê Minh K cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 40/2025/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Lê Quang H làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Lê Quang H đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Lê Quang H kết hôn với nhau ngày 26/7/2024, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (cũ) trên cơ sở tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận đến khoảng cuối tháng 7/2025, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, về suy nghĩ, lối sống. Chị T và anh H đều xác định vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 7/2025 đến nay. Chị T đề nghị ly hôn, anh H đồng ý. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình để công nhận thuận tình ly hôn cho chị T và anh H là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị T, anh H có 01 con chung là cháu Lê Minh K, sinh ngày 04/01/2025. Hiện nay, cháu K đang ở cùng với anh H.

Anh H cho rằng chị T không đủ điều kiện nuôi con vì chị T thiếu trách nhiệm nuôi con, bạo lực với con, không có việc làm ổn định nhưng anh H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chính minh cho lời trình bày của mình là đúng. Còn chị T cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận hiện nay chị đang làm việc tại Công ty TNHH T1 từ đó thể hiện chị T có việc làm, có thu nhập, còn anh H làm dịch vụ shiper và hiện nay cả anh H, chị T đều ở cùng bố mẹ đẻ của mình.

Vì vậy chị T và anh H đều có công việc, thu nhập, chỗ ở nên việc anh chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K là chính đáng. Tuy nhiên giao con chung cho ai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phải đảm bảo đầy đủ cả về mặt thể chất và tinh thần của con chung. Xét thấy hiện nay cháu K đang còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Chị T có nơi ở, công việc, thu nhập ổn định hàng tháng nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T có thu nhập ổn định và tự nguyện không đề nghị anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Lê Quang H, giữ nguyên bản án sơ thẩm như quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh Lê Quang H không được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Quang H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 40/2025/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ.

2. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Lê Quang H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006559 ngày 09/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Xác nhận anh H đã nộp đủ số tiền án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 11 - Phú Thọ;
- TAND khu vực 11 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ (Phòng THADS khu vực 11 - Phú Thọ);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa